TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2024/KDTM -PT
Ngày: 15/03/2024
V/v : Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Linh.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Thuý Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuỳ Dương là Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Minh Hoàng -** Kiểm sát viên.

Ngày 15/03/2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 20/2024/TLPT-KDTM ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng do bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2023/ST-KDTM ngày 29 tháng 09 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2024/QĐ-PT ngày 30 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP X

Địa chỉ; Tầng H, văn phòng L+16 Tòa nhà V. Center, số G, Lê Thánh T, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV quản lý nợ khai thác tài sản-Ngân hàng TMCP X;Trụ sở; 24B, T, phường V, quận C, thành phố Hồ Chí Minh do ông Trần Ngọc L1, ông Lương Ngọc T1 – Cán bộ xử lý nợ làm đại diện tham gia tố tụng. Ông L1 có mặt.

***Bị đơn:** Công ty TNHH M;

Địa chỉ; Đ, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Trọng T2 – Chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:

-Ông Nguyễn Duy Y, sinh năm 1949.

-Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1956.

-Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1980.

-Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989.

-Cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 041/10/2009.

-Cháu Nguyễn Thị Tường V1, sinh ngày 17/12/2013.

-Cháu Nguyễn Duy Kiến V2, sinh ngày 24/7/2017.

Đại diện cho cháu V, cháu V1 và cháu V2 là anh C, chị N là bố mẹ đẻ của các cháu.

Cùng trú tại; Đội 1, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội.

-Ông Nguyễn Trọng T4, sinh năm 1960.

-Bà Hoàng Thị N1, sinh năm 1966.

-Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1993.

-Chị Nguyễn Thị T5, sinh năm 1998.

-Cháu Nguyễn Thị Linh Đ, sinh ngày 21/5/2023.

Cùng trú tại; Đội 1, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội.

UBND xã C, huyện H, Hà Nội do ông Trần Văn L2 – Chủ tịch UBND xã làm đại diện

UBND huyện H, Hà Nội do bà Nguyễn Thị Thanh H1–Phó Trưởng phòng phụ trách phòng Tài nguyên & Môi trường huyện H làm đại diện.

Văn phòng C2: Địa chỉ A T, phường T, quận Đ, Hà Nội.

Tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ngày 22/02/2011, ngân hàng TMCP X ký hợp đồng tín dụng số 1703-LAB-201100622 với công ty TNHH M. Số tiền vay 4.900.000.000đ, mục đích vay bổ sung vốn hoạt động may mặc. Lãi suất vay áp dụng theo từng lần giải ngân. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 07 lần theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ. Cụ thể:

Lần 1: hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102365 ngày 20/6/2011 số tiền 800.000.000đ

Thời hạn vay: 09 tháng tính từ ngày 20/6/2011 đến 20/3/2012.

Lãi xuất cố định: 24%/năm.

Lần 2: hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102381 ngày 22/6/2011 số tiền giải ngân 700.000.000đ.

Thời hạn vay: 09 tháng tính từ ngày 22/6/2011 đến 22/3/2012.

Lãi xuất cố định: 24%/năm.

Lần 3: hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102394 ngày 28/6/2011 số tiền giải ngân 350.000.000đ.

Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày 28/6/2011 đến 28/12/2011.

Lãi xuất cố định: 24%/năm.

Lần 4: hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703 - LDS-201102407 ngày 30/6/2011 số tiền giải ngân 350.000.000đ.

Thời hạn vay 06 tháng tính từ ngày 30/6/2011 đến 30/12/2011

Lãi xuất cố định: 24%/năm.

Lần 5: hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102660 ngày 26/8/2011 số tiền giải ngân 1.000.000.000đ.

Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày 26/8/2011 đến 26/02/2012.

Lãi xuất cố định: 24%/năm.

Lần 6: hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102671 ngày 29/8/2011 số tiền giải ngân 1.000.000.000đ.

Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày 29/8/2011 đến 29/02/2012.

Lãi xuất cố định: 24%/năm.

Lần 7: hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102773 ngày 20/9/2011 số tiền giải ngân 700.000.000đ.

Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày 20/9/2011 đến 20/3/2012.

Lãi xuất cố định: 23%/năm.

Quá trình vay công ty M đã trả cho ngân hàng số tiền gốc 242.300.000đ, tiền lãi 548.831.405đ. Tổng 790.131.000đ, ngày 21/01/2012 công ty M vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Nay ngân hàng yêu cầu công ty M phải trả cho ngân hàng tính đến ngày 30/4/2023 số tiền gốc 4.657.700.000đ, tiền lãi trong hạn 138.125.000đ, tiền lãi quá hạn 10.764.351.648đ, tổng 15.560.176.648đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/5/2023 đến khi công ty M thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay:

Tài sản I: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 321 A-IV, diện tích 324m^2 bao gồm: 199m^2 đất ở, 125m^2 đất làm kinh tế gia đình; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 125662, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00263/QSDĐ ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Trọng T4.

Tài sản này đảm bảo cho khoản vay tối đa 1.500.000.000đ

Tài sản II: Toàn bộ quyền sử dụng tại thửa đất số B125737, tờ bản đồ số 321 A-IV, diện tích 678m^2 bao gồm: 360m^2 đất ở, 80m^2 đất vườn, 88m^2 đất ao, 150m^2 đất làm kinh tế gia đình; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 125737, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0033138.QSDĐ ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Duy Y.

Tài sản này đảm bảo cho khoản vay tối đa 3.400.000.000đ.

Trường hợp công ty M không trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng đề nghị kê biên phát mại tài sản bảo đảm đã nêu ở trên là

Đối với diện tích 125m^2 đất làm kinh tế phụ gia đình trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện gia đình ông T4 được cấp, và diện tích 150m^2 đất làm kinh tế phụ gia đình trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện gia đình ông Y được cấp qua xác minh tại UBND xã thì 02 thửa đất này không nằm trong thửa số 86, và thửa 273 tờ bản đồ số 321-A-IV, ngân hàng đề nghị Tòa án tiến hành xác minh làm rõ về việc gia đình ông T4 và ông Y có được cấp đất kinh tế phụ gia đình không và được cấp ở vị trí nào và ở đâu, lý do tại sao không nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà cơ quan nhà nước đã cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng.

Trường hợp khi kê biên phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì công ty M vẫn phải trả nợ cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay.

Quá trình tố tụng đại diện theo pháp luật của công ty TNHH M trình bày:

Ngày 22/02/2011 công ty TNHH M có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng TMCP X để vay số tiền 4.900.000.000đ (bốn tỷ chín trăm triệu đồng) ngân hàng TMCP X giải ngân cho công ty M làm 7 lần với 7 khế ước nhận nợ như ngân hàng trình bày, tổng số tiền giải ngân của 7 lần là 4.900.000.000đ, thời hạn vay, mục đích vay như ngân hàng trình bày. Quá trình vay vốn công ty M đã trả được cho ngân hàng số tiền gốc là 242.300.000đ, tiền lãi 548.831.405đ. Tổng 790.131.000đ, do làm ăn thua lỗ nên công ty M không trả được nợ cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện tính đến ngày 30/4/2023 số tiền gốc 4.657.700.000đ, tiền lãi trong hạn 138.125.000đ, tiền lãi quá hạn 10.764.351.648đ, tổng 15.560.176.648đ và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/5/2023 đến khi công ty M thanh toán hết khoản nợ cho ngân hàng, ông đại diện cho công ty M ông hoàn toàn nhất trí, ông đề nghị ngân hàng miễn giảm tiền lãi, còn tiền gốc ông sẽ trả dần.

Để vay được số tiền trên thì gia đình ông Nguyễn Trọng T4 phải thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số số 86, tờ bản đồ số 321 A-IV, diện tích 324m^2 bao gồm 199m^2 đất ở, 125m^2 đất làm kinh tế gia đình; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 125662, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00263/QSDĐ ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Trọng T4.

Tài sản này đảm bảo cho khoản vay tối đa 1.500.000.000đ

Gia đình ông Nguyễn Duy Y phải thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số B125737, tờ bản đồ số 321 A-IV, diện tích 678m^2 bao gồm: 360m^2 đất ở; 80m^2 đất vườn; 88m^2 đất ao; 150m^2 đất làm kinh tế gia đình; địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 125737, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0033138.QSDĐ ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Duy Y.

Tài sản này đảm bảo cho khoản vay tối đa 3.400.000.000đ

Trường hợp công ty TNHH M không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng kê biên phát mại 2 tài sản bảo đảm nêu trên, ông đề nghị tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật và đề nghị trả cho gia đình ông Y, gia đình ông T4 giá trị công trình cây cối trên đất.

Trường hợp số tiền phát mại từ tài sản bảo đảm không đủ thu nợ thì công ty TNHH M vẫn phải tiếp tục thanh toán số tiền còn lại cho Ngân hàng TMCP X, ông hoàn toàn nhất trí

Quá trình tố tụng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng T4 và bà Hoàng Thị N1 trình bày:

Ông T4 là anh trai của ông Nguyễn Trọng T2 (Giám đốc công ty TNHH M), bà N1 là chị dâu. Gia đình ông đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất của gia đình để đảm bảo cho khoản vay của công ty TNHH M, do công ty TNHH M làm ăn thua lỗ nên không có tiền trả cho ngân hàng. Nay ngân hàng khởi kiện công ty TNHH M ông, bà đề nghị ngân hàng miễn tiền lãi, để công ty có điều kiện trả tiền cho ngân hàng, trường hợp công ty M không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng kê biên phát mại tài sản mà gia đình ông, bà đã thế chấp cho ngân hàng ông, bà không có ý kiến gì.

Trên thửa đất gia đình ông thế chấp cho ngân hàng hiện tại có 5 người đang sinh sống trên đất gồm ông, bà Hoàng Thị N1, anh Nguyễn Trọng H, chị Nguyễn Thị T5 và cháu Nguyễn Thị Linh Đ, ngoài những người trên không còn ai ở trên đất.

Tài sản trên đất thế chấp có 1 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2004; 01 khu chăn nuôi xây năm 2007; 01 bể nước mưa xây năm 1992; 01 sân lát gạch đỏ xây năm 2015. Toàn bộ công trình trên đất là của vợ chồng ông xây dựng nên. Ông đề nghị khi ngân hàng phát mại tài sản thế chấp trả lại cho gia đình ông giá trị công trình và cây cối trên đất.

Chị Nguyễn Thị T5 trình bày:

Chị là vợ của anh H là con dâu của ông T4 bà N1. Năm 2022 chị kết hôn với anh H. Việc bố mẹ chồng chị thế chấp quyền sử dụng đất hiện tại chị đang sinh sống cho ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của công ty TNHH M do ông T2 làm giám đốc như thế nào chị không biết, hiện tại chị đang ở trên thửa đất do bố mẹ chồng xây dựng công trình trên đất chị không đóng góp được gì. Nay chị hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của bố mẹ chồng là ông T4, bà N1.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trọng H, văn phòng C2 vắng mặt nên không có quan điểm trình bày:

Quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan của ông Y, bà T3, anh C và chị N là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Gia đình ông Y ký hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của công ty M. Khi thế chấp gia đình ông Y chỉ thế chấp quyền sử dụng đất, còn quyền sở hữu nhà và các tài sản trên đất thì gia đình ông Y không thế chấp. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Y có 4 loại đất. Qua xác minh tại UBND xã C thì gia đình ông Y chỉ có 3 loại đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn đất làm kinh tế phụ gia đình được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không nằm trong thửa 273, tờ bản đồ số 321A-IV. Việc này ông đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật, ông không có ý kiến gì.

Đối với diện tích đất của 3 loại đất là đất ao, đất vườn và đất thổ cư qua đo đạc thực tế thiếu 3,2m^2, việc thiếu này do đo đạc chứ gia đình ông Y không bị các hộ xung quanh lấn chiếm.

Đối với các tài sản trên đất của gia đình ông Y hiện tại theo đúng biên bản xem xét thẩm định, các tài sản này đề nghị Tòa án không đưa vào tài sản bảo đảm, khi nào cơ quan THA kê biên phát mại thì ông Y đề nghị định giá và trả lại bằng giá trị cho gia đình ông Y.

Trường hợp công ty TNHH M không trả được nợ cho ngân hàng thì ngân hàng kê biên phát mại tài sản của gia đình ông Y, quan điểm của ông đề nghị ngân hàng chỉ phát mại quyền sử dụng đất, còn các tài sản trên đất thì trả lại cho gia đình ông Y (Trong trường hợp hợp đồng thế chấp phù hợp qui định pháp luật).

Trên tài sản của gia đình ông Y thế chấp cho ngân hàng hiện có 7 người đang sinh sống gồm: Ông Nguyễn Duy Y, sinh năm 1949;Bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1956;Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1980;Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989;Cháu Nguyễn Thị Tường V, sinh ngày 041/10/2009;Cháu Nguyễn Thị Tường V1, sinh ngày 17/12/2013;Cháu Nguyễn Duy Kiến V2, sinh ngày 24/7/2017, ngoài những người trên không còn ai ở trên đất.

Quá trình giải quyết bà T3 trình bày: Tại thời điểm thế chấp cho ngân hàng X thì trên thửa đất của gia đình bà có 04 gian nhà cấp bốn xây năm 1979, vì xuống cấp nên năm 2021 gia đình bà đã xây lại thành ngôi nhà 02 tầng. Tiền xây nhà chủ yếu là của vợ chồng anh C, chị N, bà và ông Y chỉ đóng góp một chút. Trường hợp công ty M không trả được nợ cho ngân hàng, ngân hàng kê biên phát mại tài sản của gia đình bà, bà đề nghị không kê biên công trình trên đất, đề nghị ngân hàng miễn tiền lãi để anh C chị N có điều kiện chuộc lại đất. Bà đề nghị ông T2 phải có trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng để lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà.

UBND xã C trình bày:

+Đối với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00263 ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Trọng T4, diện tích ghi trong giấy là 324m^2 tại thôn Q, xã C, huyện H tại tờ bản đồ số 321A-IV thửa số 86, tổng diện tích 324m^2 trong đó đất thổ cư 199m^2. Qua đo đạc thực tế diện tích của thửa đất là 188,5m^2, thiếu 10,5m^2 là do đo đạc trước đây đo bằng tay nay đo bằng máy.

Đối với diện tích đất làm kinh tế phụ gia đình diện tích 125m^2,qua sổ sách lưu giữ tại UBND xã C thì diện tích đất này không nằm trong thửa đất số 86, tờ bản đồ số 321A-IV .

Quá trình gia đình ông T4 sử dụng thửa đất trên, gia đình ông T4 không lấn chiếm đất công, không tranh chấp với các hộ xung quanh.

+ Đối với diện tích đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00038 ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Duy Y, tại thôn Q, xã C, huyện H, thửa đất số 273, tờ bản đồ số 321A-IV, tổng diện tích 678m^2 trong đó đất thổ cư 360m^2, đất vườn 80m^2, đất ao 88m^2, đất làm kinh tế phụ gia đình 150m^2. Qua đo đạc thực tế diện tích của thửa đất là 524,8m^2, là đất thổ cư, đất vườn và đất ao còn thiếu 3,2m^2 là do đo đạc trước đây đo bằng tay nay đo bằng máy.

Đối với diện tích đất làm kinh tế phụ gia đình diện tích 150m^2, qua sổ sách lưu giữ tại UBND xã C thì diện tích đất này không nằm trong thửa đất số 273, tờ bản đồ số 321A-IV .

Quá trình gia đình ông Y sử dụng thửa đất trên, gia đình ông Y không lấn chiếm đất công, không tranh chấp với các hộ xung quanh.

Ủy ban nhân dân xã C không nhận được bất cứ đơn thư khiếu nại về tranh chấp đất đai của các hộ xung quanh đối với 2 thửa đất của gia đình ông Y và gia đình ông T4 đang quản lý sử dụng. Gia đình ông Y và gia đình ông T4 không có đơn thư khiếu nại về việc các hộ xung quanh lấn chiếm đất của gia đình ông.

UBND huyện H đại diện theo ủy quyền bà Hồ Thị N2 trưởng phòng tài nguyên môi trường trình bày:

Việc UBND huyện H cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B125662 ngày 25/3/1992 cho ông Nguyễn Trọng T4 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B125737 ngày 25/3/1992 cho ông Nguyễn Văn Y1 trên cơ sở hồ sơ do UBND xã C duyện trình. Tuy nhiên, qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ phòng T7 không thấy hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Y1 và ông Nguyễn Trọng T4. Phòng T7 đề nghị Tòa án huyện Hoài Đức liên hệ với UBND xã C để xác minh làm rõ nội dung liên quan đến các thửa đất ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Y1 và ông Nguyễn Trọng T4, xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Trường hợp công ty TNHH M không trả được nợ, ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp, đối với các tài sản là công trình xây dựng trên đất ngân hàng N3 trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Tại bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội quyết định:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với công ty TNHH M.

-Tuyên vô hiệu 1 phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số công chứng 281.2010/HĐTC ngày 18/6/2010 tại văn phòng C2 đối với quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Trọng T4; và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp số công chứng 298.2010/HĐTC ngày 29/6/2010 đối với quyền sử dụng đất của gia đình ông Nguyễn Duy Y.

-Buộc công ty TNHH M phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP X theo Hợp đồng tín dụng số 1703-LAB-201100622 ngày 22/2/2011 và các khế ước nhận nợ gồm khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102365 ngày 20/6/2011; khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102381 ngày 22/6/2011; khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102394 ngày 28/6/2011; khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102407 ngày 30/6/2011; kiêm khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102660 ngày 26/8/2011; khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102671 ngày 29/8/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102773 ngày 20/9/2011 số tiền tạm tính đến ngày 25/9/2023: **số tiền gốc 4.657.700.000đ,**

tiền lãi trong hạn 138.125.000đ, tiền lãi quá hạn 11.118.336.848đ. Tổng số tiền là 15.914.161.848đ (mười lăm tỉ chín trăm mười bốn triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng) và **15.000.000đ** (*mười lăm triệu đồng*) chi phí tố tụng.

Kể từ ngày 30/9/2023, công ty TNHH M phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 1703-LAB-201100622 ngày 22/2/2011 và các khế ước nhận nợ gồm khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102365 ngày 20/6/2011; khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102381 ngày 22/6/2011; khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102394 ngày 28/6/2011; khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102407 ngày 30/6/2011; khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102660 ngày 26/8/2011; khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102671 ngày 29/8/2011 và khế ước nhận nợ số 1703-LDS-201102773 ngày 20/9/2011 đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng.

2. Trường hợp công ty TNHH M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nêu trên và lãi phát sinh thì ngân hàng TMCP X có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 321A-IV, diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 199m^2, diện tích thực tế 188,5m^2 địa chỉ: Thôn Q, huyện H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B 125662, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00263/QSDĐ ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Trọng T4.Tài sản này đảm bảo cho khoản **tiền gốc 1.425.826.530đ và tiền lãi là 3.445.855.668đ tổng là 4.871.682.198đ** *(bốn tỷ tám trăm bảy mốt triệu, sáu trăm tám hai nghìn một trăm chín tám đồng* **).**

Ghi nhận sự thỏa thuận của ngân hàng TMCP X và ông Nguyễn Trọng T4, bà Hoàng Thị N1: Khi cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp phải định giá toàn bộ tài sản trên đất để trả cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Trọng T4 và bà Hoàng Thị N1.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 321A-IV, diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 528m^2, diện tích thực tế 524,8m^2 địa chỉ: Thôn Q, huyện H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B125737, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0033138.QSDĐ ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Duy Y. Tài sản này đảm bảo cho khoản **tiền gốc 3.231.873.469đ và tiền lãi là 7.810.606.180đ, tổng 11.042.479.649đ (***mười một tỷ không trăm bốn hai triệu, bốn trăm bảy chín nghìn sáu trăm bốn chín đồng***).**

Ghi nhận sự thỏa thuận của ngân hàng TMCP X và Ông Nguyễn Duy Y, bà Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Văn C1 và chị Nguyễn Thị N: Khi cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp phải định giá toàn bộ tài sản trên đất để trả cho chủ sở hữu là ông Y, bà T3, anh C1, chị N. Trường hợp khi kê biên phát mại tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì công ty TNHH M vẫn phải trả nợ cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản vay.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 06/10/2023, Ngân hàng TMCP X có đơn kháng cáo đề nghị huỷ một phần bản án sơ thẩm với lý do: UBND xã C cho biết diện tích đất làm kinh tế không nằm trong GCNQSD đất đã cấp cho ông T4 và ông Y nhưng không trả lời diện tích này thực tế có tồn tại hay không? Trường hợp xác định được diện tích nằm ở vị trí khác trong địa bàn huyện H thì Ngân hàng có quyền được xử lý thu hồi nợ.

Ngày 24/10/2023 ông Nguyễn Duy Y có đơn kháng cáo với lý do: Gia đình ông cho ông T2 mượn Giaays chứng nhận để vay tiền, ông không được lợi ích gì từ việc này. Ông T2 phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Ngôi nhà trên đất là tài sản riêng của con trai và con dâu ông xây dựng nhưng bản án sơ thẩm cho rằng các con ông đồng ý cho phát mại là không đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã được thực hiện đầy đủ.

Về nội dung: Theo Đơn kháng cáo của Ngân hàng và ông Y đều đề nghị xem xét lại đối với tài sản thế chấp:

Xét tài sản thế chấp cho khoản vay của bị đơn là QSD đất của ông T4 và ông Y tại thôn A xã C, huyện H, Hà Nội đã được UBND huyện H cấp GCNQSD đất. Hợp đồng thế chấp được ký kết tự nguyện đã được công chứng và đăng ký thế chấp phù hợp quy định của pháp luật.

Trên GCNQSD đất của 02 gia đình đều thể hiện có diện tích đất làm kinh tế gia đình. Qua xác minh tại UBND xã C thì diện tích đất làm kinh tế gia đình đều không nằm trong thửa đất ông Y và ông T4 thế chấp. Việc nguyên đơn và các chủ tài sản trước khi thế chấp không tiến hành đo đạc mà các bên chỉ đến UBND xã xin trích lục thửa đất. Tuy nhiên UBND xã xác định trích lục cấp cho Ngân hàng là sai do đó Hợp đồng thế chấp bị vô hiệu một phần. Tài sản thế chấp được xử lý theo diện tích đo đạc thực tế. Vì vậy kháng cáo của Ngân hàng và ông Y không được chấp nhận

Thời điểm tính lãi quá hạn trong quyết định của bản án sơ thẩm tính đến ngày 25/9/2023 là không phù hợp với phần nhận định của bản án tính đến ngày 29/9/2023. Vì vậy cần sửa một phần bản án sơ thẩm xác định lại số tiền phải trả tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023.

Án phí: Xử lý theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt của các đương sự: Phiên toà đã được mở lần thứ hai, ông Nguyễn Duy Y là người kháng cáo vắng mặt và có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định

tại khoản 3 điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Hợp đồng tín dụng số 1703-LAV-201100622 ngày 22/2/2011 được Ngân hàng E và Công ty M ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty M vay số tiền 4.900.000.000 đồng theo 07 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, Công ty M xác nhận mới thanh toán 242.300.000 đồng nợ gốc và 548.831.405 đồng nợ lãi. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc 4.657.700.000 đồng và nợ lãi trong hạn 138.125.000 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2023 là 11.118.336.848 đồng là có căn cứ. Các đương sự không ai kháng cáo về số tiền nợ gốc, nợ lãi phải trả. Tuy nhiên phần quyết định của bản án xác định số nợ lãi quá hạn bị đơn phải trả tính đến ngày 25/9/2023 cũng vẫn được xác định là 11.118.336.848 đồng. Đây là nhầm lẫn do lỗi đánh máy nên HĐXX sửa lại thời gian cho phù hợp.

[2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Duy Y đề nghị xem xét lại tài sản thế chấp thửa đất số 273, tờ bản đồ số 321A-IV tại Thôn Q, xã C, huyện H, Hà Nội.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 125737 ngày 25/3/1992 của UBND huyện H cấp cho chủ sử dụng ông Nguyễn Duy Y được quyền sử dụng thửa đất số *273, tờ bản đồ số 321 A-IV, diện tích 678m2 (gồm đất ở 360m2, đất vườn 80m2, đất ao 88 m2, đất làm kinh tế gia đình 150m2) tại Thôn Q, xã C, huyện H, Hà Nội*. Ngày 29/6/2010 ông Nguyễn Duy Y và bà Nguyễn Thị T3 (vợ ông Y) đã ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 298.2010/HĐTC tại Văn phòng C2, thế chấp toàn bộ thửa đất nêu trên đảm bảo cho khoản vay của Công ty M bao gồm các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay, lãi phạt….Tài sản được bảo lãnh cho khoản vay tối đa 3.400.000.000 đồng.

Ngày 30/6/2010 Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện H đã chứng nhận thế chấp QSD đất.

Tại biên bản xem xét thẩm định của TAND huyện Hoài Đức ngày 4/8/2023, trên diện tích đất thế chấp thể hiện có 01 ngôi nhà 02 tầng xây năm 2021, sân lát gạch đỏ năm 2021, 01 chuồng trại chăn nuôi gà đã xuống cấp, 01 gian lợp ngói đã xuống cấp.

Qua đo đạc thực tế, diện tích gia đình ông Y sử dụng 524,8m2 thiếu 153,2m2 so với Giấy chứng nhận. Hồ sơ cấp giấy UBND huyện H cho biết đến nay không tìm thấy và đề nghị Toà án liên hệ với UBND xã C để làm rõ các thửa đất ghi trong Giấy chứng nhận bởi hồ sơ cấp giấy do UBND xã duyệt trình. Qua xác minh tại UBND xã C cho biết phần diện tích bị thiếu là do diện tích đất làm kinh tế gia đình 150m2 không nằm trong thửa đất này mà nhà nước cấp cho gia đình ở vị trí khác, không có số thửa, không có tờ bản đồ. Còn 3,2m2 là sai số do đo đạc.

Như vậy phần đất làm kinh tế gia đình, UBND xã C không xác định được vị trí đất này được giao cho ông Y nằm vị trí nào bởi không thể hiện trong sổ sách của xã, không có số thửa, không

có tờ bản đồ. Vì vậy hợp đồng thế chấp vợ chồng ông Y ký với Ngân hàng bị vô hiệu một phần do đối tượng thế chấp của diện tích đất làm kinh tế gia đình không xác định được.

Đối với phần diện tích ông Y được cấp trong Giấy chứng nhận, UBND xã C đã trả lời chỉ có *đất ở 360m2, đất vườn 80m2, đất ao 88 m2.* Ông Y đã thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay của công ty M. Hợp đồng thế chấp được các bên ký tự nguyện, tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm phù hợp quy định của pháp luật. Do đó Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản để thu hồi nợ và việc xử lý tài sản thế chấp được xác định theo diện tích thực tế.

Kháng cáo của ông Y cho rằng ngôi nhà xây dựng trên đất do con trai và con dâu ông tạo lập nên. Các đương sự đều thống nhất chỉ thế chấp QSD đất còn không thế chấp tài sản gắn liền với đất. Riêng ngôi nhà 02 tầng ông Y trình bày năm 2021 con trai ông Y mới xây dựng lại nhưng ông không có tài liệu chứng minh con trai ông bỏ tiền ra xây ngôi nhà này. Do đó tài sản trên đất cũng sẽ được xử lý cùng với QSD đất. Ông Y được thanh toán lại giá trị tài sản gắn liền với đất khi thi hành án. Kháng cáo của ông Y không được chấp nhận.

[3]. Xét kháng cáo của Ngân hàng:

Ngân hàng đề nghị Toà án làm rõ ông T4 và ông Y có được cấp đất làm kinh tế gia đình hay không. Nếu được cấp thì Ngân hàng được quyền xử lý để thu hồi nợ. Vấn đề này Toà án cấp sơ thẩm đã thu thập ý kiến của UBND xã C cho biết không xác định được vị trí đất này được giao cho ông Y cũng như ông T4 nằm ở đâu bởi không thể hiện trong sổ sách của xã, không có số thửa, không có tờ bản đồ.

Việc Ngân hàng khi lập hồ sơ cho vay đã không phát hiện thửa đất của ông Y (cũng như ông T4) bị thiếu diện tích mà vẫn chấp nhận theo Giấy chứng nhận. Ở đây Ngân hàng đã được Phòng tín dụng – chi nhánh Đ1 lưu ý vấn đề này trong biên bản thẩm định giá số 57/TGĐ-EIBĐĐ/10 ngày 28/5/2010: *Hiện trạng vị trí thửa đất chúng tôi căn cứ theo hướng dẫn và xác nhận của chủ sở hữu. Do vị trí thửa đất không thể xác định được chính xác thông qua chủ quyền, cán bộ thẩm định giá đề nghị cán bộ thẩm định tín dụng khi sử dụng kết quả phải yêu cầu khách hàng cung cấp bản vẽ hiện trạng vị trí 1/500. Giá trị bất động sản trên được ước tính chỉ đúng khi vị trí thửa đất được xác định như trong biên bản thẩm định. Trong trường hợp vị trí của BĐS không đúng như mô tả, đề nghị phòng tín dụng không sử dụng kết quả thẩm định giá này.*

Như vậy Phòng tín dụng - Chi nhánh Đ1 đã phát hiện ra *vị trí thửa đất không thể xác định được chính xác nên đã lưu ý phòng tín dụng trước khi cho vay phải có bản vẽ hiện trạng 1/500.* Tuy nhiên khi lập hồ sơ cho vay, Ngân hàng không thực hiện mà vẫn chấp nhận thế chấp theo Giấy chứng nhận. Đây là lỗi thẩm định của Ngân hàng.

Do diện tích đất làm kinh tế gia đình không có trong Giấy chứng nhận nên hợp đồng thế chấp vợ chồng ông T4 và vợ chồng ông Y ký với Ngân hàng bị vô hiệu một phần. Khi xác định hợp đồng vô hiệu thì Toà án phải giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu theo quy định tại điều 131 Bộ luật dân sự. Tại phiên toà, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết hậu quả Hợp đồng vô

hiệu. Ông Y không kháng cáo về nội dung này. Do đó sau này các đương sự có yêu cầu sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những phân tích trên thấy rằng kháng cáo của ông Y cũng như Ngân hàng E không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên cấp sơ thẩm chưa dành quyền cho các đương sự về việc giải quyết hậu quả Hợp đồng vô hiệu. Vì vậy HĐXX sửa án sơ thẩm về cách tuyên.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên Ngân hàng phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Y là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, do đó căn cứ quy định tại điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội, ông Y được miễn án phí phúc thẩm;

Từ những nhận định trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 342,343,344 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ điều 91,95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 điều 30, 148, 296, 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006; Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ điều 12, 27, 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Duy Y và Ngân hàng TMCP X

- Sửa bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 14/2023/KDTM-ST ngày 29/9/2023 của Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Cụ thể:

1.Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với công ty TNHH M.

2. Buộc Công ty TNHH M phải trả Ngân hàng TMCP X số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 29/9/2023 theo hợp đồng tín dụng số 1703-LAB-201100622 ngày 22/2/2011 và 07 khế ước nhận nợ kèm theo. Trong đó nợ gốc: **4.657.700.000 đồng**, lãi trong hạn: **138.125.000 đồng**; lãi quá hạn: **11.118.336.848 đồng**. Tổng cộng: **15.914.161.848 đồng** (mười lăm tỉ chín trăm mười bốn triệu một trăm sáu mươi mốt nghìn tám trăm bốn mươi tám đồng) và **15.000.000 đồng** (*mười lăm triệu đồng*) chi phí tố tụng.

3. Kể từ ngày 30/9/2023, Công ty TNHH M tiếp tục chịu lãi suất đối với khoản nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi trả xong nợ gốc.

4. Trường hợp Công ty TNHH M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp bao gồm:

4.1 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 321A-IV, diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 199m^2, diện tích thực tế 188,5m^2 địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B 125662, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00263/QSDĐ ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Trọng T4.Tài sản này đảm bảo cho khoản **tiền gốc 1.425.826.530đ và tiền lãi là 3.445.855.668đ tổng là 4.871.682.198đ** *(bốn tỷ tám trăm bảy mốt triệu, sáu trăm tám hai nghìn một trăm chín tám đồng*).

Số tiền thu được sau khi xử lý tài sản thế chấp phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Trọng T4 và bà Hoàng Thị N1. Toàn bộ những người đang ở trên đất phải di dời để bàn giao tài sản nhà, đất cho Ngân hàng.

4.2 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 273, tờ bản đồ số 321A-IV, diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 528m^2, diện tích thực tế 524,8m^2 địa chỉ: Thôn Q, xã C, huyện H, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 125737, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0033138.QSDĐ ngày 25/3/1992 do UBND huyện H cấp cho ông Nguyễn Duy Y. Tài sản này đảm bảo cho khoản **tiền gốc 3.231.873.469đ và tiền lãi là 7.810.606.180đ, tổng 11.042.479.649đ (***mười một tỷ không trăm bốn hai triệu, bốn trăm bảy chín nghìn sáu trăm bốn chín đồng).*

Số tiền thu được sau khi xử lý tài sản thế chấp phải thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Nguyễn Duy Y và bà Nguyễn Thị T3. Toàn bộ những người đang ở trên đất phải di dời để bàn giao tài sản nhà, đất cho Ngân hàng.

5. T6 vô hiệu 1 phần hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 281.2010/HĐTC ngày 18/6/2010 tại Văn phòng C2 đối với quyền sử dụng đất làm kinh tế gia đình của gia đình của ông Nguyễn Trọng T4; và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 298.2010/HĐTC ngày 29/6/2010 tại Văn phòng C2 đối với quyền sử dụng đất làm kinh tế gia đình của ông Nguyễn Duy Y. Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng thế chấp phần bị tuyên vô hiệu bằng vụ án khác.

6. Số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thế chấp sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ của bên vay theo Hợp đồng tín dụng, nếu dư Ngân hàng sẽ phải thanh toán lại cho bên thế chấp. Nếu thiếu bên vay phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền còn thiếu.

7. Về án phí: Công ty TNHH M phải chịu 123.914.161 đồng án phí KDTM sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP X phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí KDTM phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0005260 ngày 19/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Hoàn trả Ngân hàng số tiền 61.780.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0016564 ngày 15/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Ông Nguyễn Duy Y được miễn án phí phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có Hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- TAND huyện Hoài Đức;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thuý Linh